








BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PVC-U HOA SEN






Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc


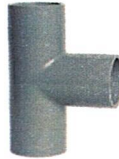

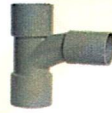

(Hiệu lực áp dụng từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CO 90° (NỘI GÓC 90°, CÚT 90°)					
	21	Cái	6	1,400	1,512
	27	Cái	6	2,300	2,484
	34	Cái	6	3,500	3,780
	42	Cái	6	5,800	6,264
	48	Cái	6	9,000	9,720
	60	Cái	6	12,900	13,932
	60	Cái	9	18,400	19,872
	75	Cái	6	22,600	24,408
	75	Cái	9	23,900	25,812
	90	Cái	6	31,300	33,804
	90	Cái	8	50,300	54,324
	110	Cái	6	50,000	54,000
	110	Cái	8	77,900	84,132
	125	Cái	6	87,800	94,824
	140	Cái	6	127,300	137,484
	140	Cái	9	263,800	284,904
160	Cái	6	153,500	165,780	
LỢI (NỘI GÓC 45°, CHÉCH 45°)					
	21	Cái	6	1,400	1,512
	27	Cái	6	1,900	2,052
	34	Cái	6	3,000	3,240
	42	Cái	6	4,400	4,752
	48	Cái	6	7,000	7,560
	60	Cái	6	10,900	11,772
	60	Cái	9	16,000	17,280
	75	Cái	6	18,700	20,196
	75	Cái	9	26,100	28,188
	90	Cái	6	25,700	27,756
	90	Cái	8	35,800	38,664
	110	Cái	6	39,400	42,552
	110	Cái	8	67,300	72,684
	125	Cái	6	69,600	75,168
	125	Cái	12	93,600	101,088
	140	Cái	6	75,900	81,972
140	Cái	9	107,900	116,532	
160	Cái	6	114,800	123,984	
160	Cái	8	131,900	142,452	
ĐẦU NỐI THẲNG					
	21	Cái	6	1,400	1,512
	27	Cái	6	1,800	1,944
	34	Cái	6	2,100	2,268
	42	Cái	6	3,500	3,780
	48	Cái	6	4,500	4,860
	60	Cái	6	7,700	8,316
	60	Cái	9	17,100	18,468
	75	Cái	9	10,900	11,772
	90	Cái	6	14,400	15,552




Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
CO REN TRONG (NỘI GÓC 90° REN TRONG)					
	21	Cái	6	2,500	2,700
	27	Cái	6	3,200	3,456
CO REN NGOÀI					
	21	Cái	8	2,300	2,484
	27	Cái	6	3,500	3,780
CO REN TRONG THAU (NỘI GÓC 90° REN TRONG THAU)					
	21 x 1/2	Cái	15	13,000	14,040
	27 x 3/4	Cái	15	20,600	22,248
NỐI GIẢM (ĐẦU NỐI CHUYÊN BẠC, CÔN THU)					
	27 x 21	Cái	6	1,400	1,512
	34 x 21	Cái	6	1,900	2,052
	34 x 27	Cái	6	2,500	2,700
	42 x 21	Cái	6	3,000	3,240
	42 x 27	Cái	6	3,100	3,348
	42 x 34	Cái	6	3,200	3,456
	48 x 21	Cái	6	4,000	4,320
	48 x 27	Cái	6	4,100	4,428
	48 x 34	Cái	6	4,300	4,644
	48 x 42	Cái	6	4,400	4,752
	60 x 21	Cái	6	5,400	5,832
	60 x 27	Cái	6	6,600	7,128
	60 x 34	Cái	6	6,600	7,128
	60 x 42	Cái	6	6,600	7,128
	60 x 48	Cái	6	7,000	7,560
	75 x 34	Cái	6	10,400	11,232
	75 x 42	Cái	6	10,400	11,232
	75 x 48	Cái	6	10,400	11,232
	75 x 60	Cái	6	10,900	11,772
	90 x 34	Cái	6	13,100	14,148
	90 x 42	Cái	6	14,300	15,444
	90 x 48	Cái	6	14,300	15,444
	90 x 60	Cái	6	14,800	15,984
	90 x 60	Cái	8	22,300	24,084
	90 x 75	Cái	6	16,100	17,388
	110 x 34	Cái	6	22,600	24,408
110 x 42	Cái	6	21,700	23,436	
110 x 48	Cái	6	21,700	23,436	
110 x 60	Cái	6	22,600	24,408	
110 x 60	Cái	8	34,700	37,476	
110 x 75	Cái	6	23,000	24,840	
110 x 75	Cái	8	36,000	38,880	





P. B. M.S.P.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
ĐẦU NỐI THẲNG					
	110	Cái	6	18,300	19,764
	125	Cái	6	41,000	44,280
	140	Cái	6	58,900	63,612
	160	Cái	6	83,800	90,504
NỐI REN NGOÀI					
	21	Cái	6	1,400	1,512
	27	Cái	6	1,700	1,836
	34	Cái	6	3,100	3,348
	42	Cái	6	4,300	4,644
	48	Cái	6	6,100	6,588
	60	Cái	6	9,700	10,476
75	Cái	9	10,900	11,772	
NỐI REN TRONG					
	21	Cái	6	1,400	1,512
	27	Cái	6	1,700	1,836
	34	Cái	6	3,100	3,348
	42	Cái	6	4,300	4,644
	48	Cái	6	6,100	6,588
	60	Cái	6	8,600	9,288
NỐI REN TRONG THAU					
	21 x 1/2	Cái	15	12,100	13,068
	27 x 3/4	Cái	15	16,700	18,036
	34 x 1	Cái	15	21,600	23,328
	48 x 1.1/2	Cái	15	61,900	66,852
	60 x 2	Cái	15	73,800	79,704
TÊ GIẢM (BA CHẠC 90° CHUYỂN BẠC)					
	27 x 21	Cái	6	3,100	3,348
	34 x 21	Cái	6	4,000	4,320
	34 x 27	Cái	6	4,300	4,644
	42 x 21	Cái	6	5,200	5,616
	42 x 27	Cái	6	5,800	6,264
	42 x 34	Cái	6	7,000	7,560
	48 x 21	Cái	6	8,500	9,180
	48 x 27	Cái	6	8,600	9,288
	48 x 34	Cái	6	9,000	9,720
	48 x 42	Cái	6	11,600	12,528
	60 x 27	Cái	6	11,800	12,744
	60 x 34	Cái	6	13,000	14,040
	60 x 42	Cái	6	14,300	15,444
	60 x 48	Cái	6	14,900	16,092
	75 x 27	Cái	6	18,900	20,412
	75 x 34	Cái	6	19,700	21,276
	75 x 42	Cái	6	21,100	22,788
	75 x 48	Cái	6	23,900	25,812
	90 x 60	Cái	6	26,600	28,728
	90 x 34	Cái	6	32,500	35,100
90 x 42	Cái	6	26,500	28,620	
90 x 48	Cái	6	32,200	34,776	

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
NỐI GIẢM (ĐẦU NỐI CHUYỂN BẠC, CÔN THU)					
	110 x 90	Cái	6	23,500	25,380
	110 x 90	Cái	8	39,000	42,120
	140 x 110	Cái	6	51,800	55,944
	160 x 90	Cái	8	104,700	113,076
	160 x 110	Cái	6	68,300	73,764
	160 x 140	Cái	6	72,800	78,624
	250 x 200	Cái	6	273,400	295,272
TÊ (BA CHẠC 90°)					
	21	Cái	6	2,300	2,484
	27	Cái	6	4,000	4,320
	34	Cái	6	5,300	5,724
	42	Cái	6	7,600	8,208
	48	Cái	6	11,300	12,204
	60	Cái	6	17,000	18,360
	60	Cái	9	35,200	38,016
	75	Cái	6	28,700	30,996
	90	Cái	6	41,800	45,144
	90	Cái	8	72,000	77,760
	110	Cái	6	70,700	76,356
	110	Cái	9	98,400	106,272
	125	Cái	6	116,900	126,252
	125	Cái	8	147,500	159,300
	140	Cái	6	189,500	204,660
140	Cái	8	219,400	236,952	
160	Cái	6	201,500	217,620	
160	Cái	8	324,100	350,028	
TÊ REN TRONG THAU (BA CHẠC 90° REN TRONG ĐỒNG)					
	21 x 1/2	Cái	15	15,400	16,632
	27 x 1/2	Cái	15	21,700	23,436
TÊ CONG (BA CHẠC 90° CONG)					
	90	Cái	6	48,400	52,272
	90	Cái	9	79,300	85,644
	110	Cái	6	80,600	87,048
	110	Cái	9	156,700	169,236
TÊ CONG GIẢM (BA CHẠC 90° CONG GIẢM)					
	90 x 60	Cái	6	44,400	47,952
	90 x 75	Cái	6	45,800	49,464
	110 x 42	Cái	6	48,000	51,840
	110 x 60	Cái	6	59,900	64,692
	110 x 90	Cái	9	65,300	70,524
	140 x 60	Cái	9	86,000	92,880
	140 x 90	Cái	8	99,800	107,784
	140 x 110	Cái	6	119,700	129,276
	160 x 60	Cái	8	129,700	140,076
	160 x 90	Cái	8	159,600	172,368
	160 x 110	Cái	6	169,700	183,276

N: 3500
CÔNG
CỔ
PHẦN
NHỰA
HOA
SEN
MỸ-TP

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM (BA CHẠC 90° CHUYÊN BẠC)					
	90 x 60	Cái	6	39,200	42,336
	90 x 60	Cái	9	47,800	51,624
	90 x 75	Cái	6	41,000	44,280
	110 x 48	Cái	6	43,000	46,440
	110 x 60	Cái	6	47,600	51,408
	110 x 60	Cái	9	77,700	83,916
	110 x 75	Cái	6	50,300	54,324
	110 x 90	Cái	6	60,200	65,016
	125 x 110	Cái	6	86,900	93,852
	140 x 90	Cái	6	118,200	127,656
	140 x 110	Cái	8	129,500	139,860
160 x 90	Cái	6	162,000	174,960	
CHỮ Y (BA CHẠC 45°)					
	34	Cái	6	6,300	6,804
	42	Cái	6	8,500	9,180
	48	Cái	6	16,300	17,604
	60	Cái	6	22,000	23,760
	60	Cái	9	29,100	31,428
	75	Cái	6	42,200	45,576
	75	Cái	9	52,900	57,132
	90	Cái	6	51,700	55,836
	90	Cái	8	76,800	82,944
	110	Cái	6	77,900	84,132
	110	Cái	8	117,500	126,900
	125	Cái	9	239,900	259,092
	140	Cái	6	249,400	269,352
	160	Cái	6	353,800	382,104
BÍCH NỐI					
	110	Cái	8	170,500	184,140
	140	Cái	8	290,100	313,308
	160	Cái	8	406,600	439,128
ĐẦU NỐI THÔNG SÀN					
	60	Cái	6	14,900	16,092
	90	Cái	6	24,800	26,784
	110	Cái	6	30,500	32,940
VAN					
	21	Cái	12	23,500	25,380
	27	Cái	12	33,600	36,288
	34	Cái	12	48,100	51,948
	49	Cái	12	77,900	84,132
CON THỎ (SI PÔNG)					
	60	Cái	6	31,600	34,128
	90	Cái	6	82,200	88,776
KEO DÁN					
	10 gram	Tuýp		2,500	2,700
	25 gram	Tuýp		5,600	6,048
	50 gram	Tuýp		9,600	10,368

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Áp suất danh nghĩa (PN)	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
				Chưa VAT	Có VAT
NÁP BÍT (ĐẦU BỊT)					
	21	Cái	6	1,100	1,188
	27	Cái	6	1,400	1,512
	34	Cái	6	2,100	2,268
	42	Cái	6	2,300	2,484
	48	Cái	6	3,500	3,780
	60	Cái	6	10,900	11,772
	75	Cái	6	11,100	11,988
	75	Cái	9	14,400	15,552
	90	Cái	6	12,000	12,960
	110	Cái	6	24,800	26,784
	140	Cái	6	31,100	33,588
	160	Cái	6	62,000	66,960
Y GIẢM (BA CHẠC 45° CHUYÊN BẠC)					
	60 x 48	Cái	6	14,500	15,660
	75 x 60	Cái	6	31,000	33,480
	90 x 60	Cái	6	40,300	43,524
	90 x 75	Cái	6	50,300	54,324
	90 x 75	Cái	9	80,900	87,372
	110 x 60	Cái	6	54,900	59,292
	110 x 75	Cái	6	69,600	75,168
	110 x 75	Cái	9	104,800	113,184
	110 x 90	Cái	6	73,800	79,704
	125 x 75	Cái	6	99,500	107,460
	125 x 75	Cái	9	156,000	168,480
	125 x 90	Cái	6	108,300	116,964
	125 x 110	Cái	9	203,900	220,212
	140 x 60	Cái	6	100,700	108,756
	140 x 90	Cái	6	158,300	170,964
	140 x 90	Cái	9	235,200	254,016
	140 x 110	Cái	6	167,800	181,224
	160 x 90	Cái	6	175,800	189,864
	160 x 110	Cái	6	306,900	331,452
	160 x 140	Cái	6	287,800	310,824
	200 x 90	Cái	6	386,000	416,880
	200 x 110	Cái	6	429,200	463,536
	200 x 140	Cái	6	496,400	536,112
	250 x 160	Cái	6	801,100	865,188
250 x 200	Cái	6	924,600	998,568	
BÍT XÁ (BỊT XÁ THÔNG TẮC)					
	60	Cái	6	12,000	12,960
	75	Cái	6	17,400	18,792
	90	Cái	8	25,200	27,216
	110	Cái	9	33,600	36,288
	125	Cái	9	48,100	51,948
	140	Cái	8	63,500	68,580
160	Cái	8	85,100	91,908	
KEO DÁN					
	200 gram	Lon		44,000	47,520
	500 gram	Lon		86,400	93,312
	1000 gram	Lon		173,000	186,840



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Địa chỉ: Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

Website: www.nhuahoasen.vn

Email: cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Ghi chú: - Thuế VAT 8%.


 Tp. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 06 năm 2026
 TÓNG GIÁM ĐỐC
 TRƯƠNG TẤN ĐẠT



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222



BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PVC-U LUỒN DÂY ĐIỆN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc
(Hiệu lực từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)

Tên sản phẩm		Đvt	Đơn giá chưa VAT (đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (đồng/đvt)
NẮP ĐẬY				
	Nắp hộp chia ngã PVC-U LDĐ	Cái	1,900	2,052
HỘP CHIA NGÃ				
	Hộp nối 1 đường thẳng PVC-U LDĐ 20	Cái	9,800	10,584
	Hộp nối 1 đường thẳng PVC-U LDĐ 25	Cái	10,700	11,556
	Hộp nối 1 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	12,500	13,500
	Hộp nối 1 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	13,100	14,148
	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 20	Cái	9,800	10,584
	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 25	Cái	10,700	11,556
	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	12,500	13,500
	Hộp nối 2 đường thẳng PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	13,100	14,148
	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 20	Cái	9,800	10,584
	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 25	Cái	10,700	11,556
	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	12,600	13,608
	Hộp nối 2 đường vuông góc PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	13,100	14,148
	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 20	Cái	9,800	10,584
	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 25	Cái	10,700	11,556
	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	12,500	13,500
	Hộp nối 3 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	13,100	14,148
	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 20	Cái	9,800	10,584
	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 25	Cái	11,500	12,420
	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Bộ	12,200	13,176
	Hộp nối 4 đường PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Bộ	13,900	15,012
KẸP ĐỠ ỚNG				
	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 16	Cái	1,800	1,944
	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 20	Cái	2,200	2,376
	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 25	Cái	3,200	3,456
	Kẹp đỡ ống PVC-U LDĐ 32	Cái	4,400	4,752
TÊ				
	Tê PVC-U LDĐ 16	Cái	3,900	4,212
	Tê PVC-U LDĐ 20	Cái	7,000	7,560
	Tê PVC-U LDĐ 25	Cái	11,800	12,744
	Tê PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Cái	11,800	12,744
	Tê PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Cái	14,500	15,660
	Tê PVC-U LDĐ 32 (Có nắp)	Cái	19,400	20,952

35007
CÔNG
CỔ P
NH
HOA S
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Tên sản phẩm		Đvt	Đơn giá chưa VAT (đồng/dvt)	Đơn giá có VAT (đồng/dvt)
CO				
	Co (90) PVC-U LDĐ 16	Cái	3,100	3,348
	Co (90) PVC-U LDĐ 20	Cái	5,200	5,616
	Co (90) PVC-U LDĐ 25	Cái	7,000	7,560
	Co (90) PVC-U LDĐ 20 (Có nắp)	Cái	8,100	8,748
	Co (90) PVC-U LDĐ 25 (Có nắp)	Cái	12,900	13,932
	Co (90) PVC-U LDĐ 32 (Có nắp)	Cái	16,900	18,252
HỘP NỐI				
	Hộp nối dây tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx110mmx50mm (Có nắp)	Bộ	22,300	24,084
	Hộp nối dây tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx110mmx80mm (Có nắp)	Bộ	33,700	36,396
ĐỀ ÂM				
	Đề âm tường tự chống cháy PVC-U LDĐ 110mmx60mmx40mm	Cái	9,200	9,936
NỐI				
	Nối PVC-U LDĐ 16	Cái	1,200	1,296
	Nối PVC-U LDĐ 20	Cái	1,400	1,512
	Nối PVC-U LDĐ 25	Cái	2,500	2,700
	Nối PVC-U LDĐ 32	Cái	4,500	4,860
	Nối PVC-U LDĐ 40	Cái	10,700	11,556
NỐI GIẢM				
	Nối giảm PVC-U LDĐ 25/20	Cái	3,900	4,212
	Nối giảm PVC-U LDĐ 32/25	Cái	7,200	7,776
	Nối giảm PVC-U LDĐ 40/25	Cái	13,400	14,472
KHỚP NỐI REN				
	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 20	Cái	4,000	4,320
	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 25	Cái	4,600	4,968
	Khớp nối ren PVC-U LDĐ 32	Cái	6,000	6,480

TP.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2026



TRƯƠNG TẤN ĐẠT



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG






Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888








VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222




BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc
(Hiệu lực từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI (ĐẦU NÓI THẲNG)				
	20	Cái	4,300	4,644
	25	Cái	7,200	7,776
	32	Cái	11,100	11,988
	40	Cái	17,800	19,224
	50	Cái	32,200	34,776
	63	Cái	67,600	73,008
	90	Cái	181,000	195,480
NÓI GIẢM (ĐẦU NÓI CHUYỂN BẬC)				
	25 x 20	Cái	6,600	7,128
	32 x 20	Cái	9,400	10,152
	32 x 25	Cái	9,600	10,368
	40 x 20	Cái	14,600	15,768
	40 x 25	Cái	14,700	15,876
	40 x 32	Cái	15,000	16,200
	50 x 25	Cái	26,100	28,188
	50 x 32	Cái	26,500	28,620
	50 x 40	Cái	26,800	28,944
	63 x 25	Cái	50,400	54,432
	63 x 32	Cái	50,800	54,864
	63 x 40	Cái	51,200	55,296
	63 x 50	Cái	51,700	55,836
CO 45° (NÓI GÓC 45°)				
	20	Cái	6,800	7,344
	25	Cái	10,800	11,664
	32	Cái	16,100	17,388
	40	Cái	32,000	34,560
	50	Cái	61,400	66,312
	63	Cái	142,100	153,468
	90	Cái	251,300	271,404
CO GIẢM				
	25 x 20	Cái	15,200	16,416
	32 x 20	Cái	26,800	28,944
	32 x 25	Cái	28,500	30,780
TÊ (BA CHẠC 90°)				
	20	Cái	9,400	10,152
	25	Cái	14,700	15,876
	32	Cái	23,900	25,812
	40	Cái	52,400	56,592
	50	Cái	76,800	82,944
	63	Cái	184,300	199,044
	75	Cái	283,700	306,396
	90	Cái	416,500	449,820

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI REN TRONG (ĐẦU NÓI REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	67,100	72,468
	20x3/4"	Cái	81,900	88,452
	25x1/2"	Cái	82,000	88,560
	25x3/4"	Cái	91,500	98,820
	32x1"	Cái	134,300	145,044
NÓI REN NGOÀI (ĐẦU NÓI REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	76,300	82,404
	20x3/4"	Cái	107,600	116,208
	25x1/2"	Cái	97,900	105,732
	25x3/4"	Cái	118,200	127,656
	32x1"	Cái	157,200	169,776
	40x1.1/4"	Cái	508,200	548,856
50x1.1/2"	Cái	635,200	686,016	
CO 90° (NÓI GÓC 90°)				
	20	Cái	8,100	8,748
	25	Cái	10,800	11,664
	32	Cái	18,600	20,088
	40	Cái	30,800	33,264
	50	Cái	53,600	57,888
	63	Cái	164,100	177,228
	75	Cái	214,000	231,120
	90	Cái	335,800	362,664
CO REN TRONG (NÓI GÓC 90° REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	74,600	80,568
	20x3/4"	Cái	100,500	108,540
	25x1/2"	Cái	84,800	91,584
	25x3/4"	Cái	114,100	123,228
CO REN NGOÀI (NÓI GÓC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	105,000	113,400
	20x3/4"	Cái	127,400	137,592
	25x3/4"	Cái	140,300	151,524
TÊ REN TRONG (BA CHẠC 90° REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	75,300	81,324
	20x3/4"	Cái	104,000	112,320
	25x1/2"	Cái	80,500	86,940
	25x3/4"	Cái	117,400	126,792
TÊ REN NGOÀI (BA CHẠC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	92,700	100,116
	20x3/4"	Cái	110,800	119,664
	25x1/2"	Cái	100,600	108,648
	25x3/4"	Cái	121,700	131,436



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM (BA CHẠC 90° CHUYÊN BẠC)				
	25 x 20	Cái	14,700	15,876
	32 x 20	Cái	25,700	27,756
	32 x 25	Cái	26,000	28,080
	40 x 20	Cái	56,600	61,128
	40 x 25	Cái	57,100	61,668
	40 x 32	Cái	57,600	62,208
	50 x 20	Cái	99,500	107,460
	50 x 25	Cái	100,400	108,432
	50 x 32	Cái	101,300	109,404
	63 x 25	Cái	174,300	188,244
	63 x 32	Cái	175,800	189,864
	63 x 40	Cái	177,500	191,700
	63 x 50	Cái	178,600	192,888
RẮC CO NHỰA				
	25	Cái	82,000	88,560
	50	Cái	196,000	211,680
VAN				
	20	Cái	329,700	356,076
	25	Cái	405,900	438,372
	32	Cái	574,400	620,352
	40	Cái	828,500	894,780
	50	Cái	1,256,200	1,356,696
	63	Cái	1,958,900	2,115,612

Ghi chú: Thuế VAT 8%.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
BÍT ĐẦU				
	20	Cái	4,000	4,320
	25	Cái	6,800	7,344
	32	Cái	10,300	11,124
	40	Cái	13,700	14,796
	50	Cái	25,500	27,540
	63	Cái	127,100	137,268
BÍT REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	6,200	6,696
RẮC CO REN NGOÀI				
	20x1/2"	Cái	214,700	231,876
	25x3/4"	Cái	371,800	401,544
	32x1"	Cái	584,400	631,152
RẮC CO REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	223,600	241,488
	25x3/4"	Cái	358,200	386,856
	32x1"	Cái	524,900	566,892
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	39,800	42,984







TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
HOA SEN**

TRƯỞNG TẤN ĐẠT




BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc
(Hiệu lực từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NÓI PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	5,100	5,508
	25	Cái	8,700	9,396
	32	Cái	13,700	14,796
	40	Cái	21,400	23,112
	50	Cái	39,900	43,092
	63	Cái	76,800	82,944
NÓI GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	8,100	8,748
	32 x 20	Cái	11,400	12,312
	32 x 25	Cái	11,400	12,312
	40 x 32	Cái	17,600	19,008
	40 x 20	Cái	17,600	19,008
	40 x 25	Cái	17,600	19,008
	50 x 25	Cái	32,200	34,776
	50 x 32	Cái	32,200	34,776
	50 x 40	Cái	32,200	34,776
	63 x 25	Cái	61,100	65,988
	63 x 32	Cái	61,100	65,988
CO (90) PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	9,700	10,476
	25	Cái	13,000	14,040
	32	Cái	22,900	24,732
	40	Cái	36,700	39,636
	50	Cái	65,800	71,064
	63	Cái	197,000	212,760
TÊ PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	11,400	12,312
	25	Cái	17,700	19,116
	32	Cái	29,000	31,320
	40	Cái	44,900	48,492
	50	Cái	94,400	101,952
	63	Cái	221,800	239,544
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	17,600	19,008
	32 x 20	Cái	30,900	33,372

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)		
			Chưa VAT	Có VAT	
NÓI REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	72,500	78,300	
	25x1/2"	Cái	93,200	100,656	
	25x3/4"	Cái	103,100	111,348	
	32x1"	Cái	160,900	173,772	
NÓI REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	91,500	98,820	
	25x1/2"	Cái	114,400	123,552	
	25x3/4"	Cái	134,100	144,828	
	32x1"	Cái	188,700	203,796	
	40x1.1/4"	Cái	548,800	592,704	
	CO (45) PPR CHỐNG TIA UV				
		20	Cái	8,100	8,748
		25	Cái	13,000	14,040
		32	Cái	19,400	20,952
		40	Cái	38,600	41,688
50		Cái	75,100	81,108	
63		Cái	168,400	181,872	
CO GIẢM (90) PPR CHỐNG TIA UV					
	25 x 20	Cái	12,900	13,932	
	32 x 20	Cái	22,700	24,516	
	32 x 25	Cái	24,100	26,028	
CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	80,700	87,156	
	25x1/2"	Cái	95,200	102,816	
	25x3/4"	Cái	128,300	138,564	
CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	113,400	122,472	
	25x1/2"	Cái	133,500	144,180	
	25x3/4"	Cái	165,900	179,172	
TÊN REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	81,200	87,696	
	25x1/2"	Cái	92,700	100,116	
	25x3/4"	Cái	132,100	142,668	
TÊN REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV					
	20x1/2"	Cái	100,100	108,108	
	25x1/2"	Cái	108,500	117,180	
	25x3/4"	Cái	131,400	141,912	

Số Đ.N: 3500
CÔNG
CỔ P
NH
HOA
MỸ-TP

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	32 x 25	Cái	30,900	33,372
	40 x 20	Cái	67,900	73,332
	40 x 25	Cái	67,900	73,332
	40 x 32	Cái	67,900	73,332
	50 x 20	Cái	119,300	128,844
	50 x 25	Cái	119,300	128,844
	50 x 32	Cái	119,300	128,844
	63 x 25	Cái	209,500	226,260
	63 x 32	Cái	209,500	226,260
	63 x 40	Cái	209,500	226,260
VAN PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	381,100	411,588
	25	Cái	462,500	499,500
	32	Cái	628,700	678,996
	40	Cái	1,058,500	1,143,180
	50	Cái	1,760,200	1,901,016
RẮC CO NHỰA				
	25	Cái	98,400	106,272

Ghi chú: Thuế VAT 8%.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
RẮC CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	241,500	260,820
	25x3/4"	Cái	386,700	417,636
	32x1"	Cái	566,900	612,252
RẮC CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	257,400	277,992
	25x3/4"	Cái	401,700	433,836
	32x1"	Cái	631,000	681,480
BÍT ĐẦU PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	5,000	5,400
	25	Cái	8,500	9,180
	32	Cái	10,900	11,772
	40	Cái	16,500	17,820
	50	Cái	30,900	33,372
63	Cái	150,100	162,108	
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	46,800	50,544

TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

TRƯỞNG TẤN ĐẠT



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN PUWA

Khu vực áp dụng: Toàn quốc

(Hiệu lực từ ngày 11/02/2026 đến khi có thông báo giá mới)

Địa chỉ: Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÊN SẢN PHẨM	ÁP SUẤT (PN)	GIÁ BÁN (đồng/cái)	
		CHƯA VAT	CÓ VAT
Van tay gạt PPR xanh lá 20 PUWA	10.0	68,700	74,196
Van tay gạt PPR xanh lá 25 PUWA	10.0	71,900	77,652
Van tay gạt PPR xanh dương UV 20 PUWA	10.0	68,700	74,196
Van tay gạt PPR xanh dương UV 25 PUWA	10.0	71,900	77,652
Van hàm ếch PPR xanh lá 20 PUWA	10.0	145,600	157,248
Van hàm ếch PPR xanh lá 25 PUWA	10.0	160,400	173,232
Van hàm ếch PPR xanh dương UV 20 PUWA	10.0	145,600	157,248
Van hàm ếch PPR xanh dương UV 25 PUWA	10.0	160,400	173,232
Nối vặn ren HDPE 25 PN16 PUWA	16.0	22,300	24,084
Bích hàn HDPE 110 PN16 PUWA	16.0	64,300	69,444
Bích hàn HDPE 250 PN16 PUWA	16.0	426,100	460,188
Bích hàn HDPE 315 PN16 PUWA	16.0	661,400	714,312
Kéo cắt ống nhựa 20-63mm PUWA		93,400	100,872
Máy hàn PPR 20-63mm PUWA		583,900	630,612

- Thuế VAT 8%.

- Giá bán trên chưa bao gồm phí vận chuyển.

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3501001
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA
HOA SEN
P. PHÚ MỸ - TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG TẤN ĐẠT